|  |  |
| --- | --- |
| **1. Thủ tục:** | **Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý cơ sở kinh doanh** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.  - Nộp bản sao hợp lệ một trong các loại giấy tờ sau:  + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (theo quy định tại Nghị định số [43/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=43/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 15/4/2010 về đăng ký doanh nghiệp);  + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với chi nhánh doanh nghiệp);  + Giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với các tổ chức sự nghiệp có thu).  + Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 49, khoản 1 Điều 51 Nghị định [43/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=43/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) (đối với đối tượng là hộ kinh doanh)  - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy  - Bản khai lý lịch (có dán 01 ảnh 4x6mm) của người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan nhà nước quản lý trực tiếp). Nếu là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, phải có bản khai nhân sự (có dán 01 ảnh 4x6 mm), bản photocopy hộ chiếu, thẻ cư trú (xuất trình bản chính để đối chiếu).  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Trong thời hạn 7 ngày làm việc. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| + Lệ phí: | 300.000 Vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | - Bản khai lý lịch của người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐD1a);  - Bản khai nhân sự dùng cho người nước ngoài (Mẫu ĐD1b). |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | - Người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự phải có lý lịch rõ ràng và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:  + Cá nhân mà Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp, cấm thực hiện các hoạt động kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện về an ninh, trật tự.  + Người chưa đủ 18 tuổi, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người nghiện ma túy.  + Người đã bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử.  + Người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, xã, thị trấn; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú, bị phạt tù được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách; người đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; được tạm hoãn đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.  + Người có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội do lỗi cố ý có mức án từ 10 năm trở lên hoặc các tội khác liên quan trực tiếp đến ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà chưa được xóa án tích; người đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03/9/2009 của Chính phủ Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;  - Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;  - Thông tư số 193/2010/TT-BTC ngày 02/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện về an ninh trật tự; phí sát hạch cấp chứng chỉ  nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu; lệ phí cấp giấy phép mang pháo hoa  vào, ra Việt Nam; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. |

***Mẫu ĐD1a ban hành kèm theo TT số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh

(4x6 cm)

**BẢN KHAI LÝ LỊCH**

Của người làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT

1. Họ và tên:…………………………………. …………….Nam/Nữ………….

2. Sinh ngày …… tháng …… năm ………

3. Giấy CMND số:……………….Ngày cấp:………Nơi cấp…………………..

4. Dân tộc: ………………Tôn giáo: …………….Quốc tịch: ………………….

5. Nguyên quán: …………………………………………………………………

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …………………………………………….

……………………………………………………………………………………

7. Nơi đăng ký tạm trú: ………………………………………………………….

8. Trình độ học vấn: …………………………………………………………….

9. Chức vụ trong cơ sở kinh doanh:…...…………………………………………

10. Địa chỉ của cơ sở kinh doanh:..………………………………………………

11. Ngành, nghề kinh doanh: ……………………………………………………

……………………………………..………………………………………….......

**I - QUAN HỆ GIA ĐÌNH**

**(Gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị em ruột)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Quan hệ** | **Năm sinh** | | **Nơi đăng ký**  **Hộ khẩu thường trú** | **Nghề nghiệp** |
| **Nam** | **Nữ** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN**

1 - Thời gian, nghề nghiệp, chức vụ, nơi học tập và làm việc

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

2 - Tiền án, tiền sự (nếu có ghi rõ tiền án, tiền sự, tội danh, thời gian, cơ quan xử lý)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………Tôi cam đoan những nội dung khai trong bản lý lịch là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của UBND phường, xã, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý** | ……….,ngày…tháng…năm 20…..  *(Người khai ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu ĐD1b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010***

**BẢN KHAI NHÂN SỰ**

Ảnh

(4x6 cm)

Individal decleration

*Dùng cho người nước ngoài*

*(For foreigner)*

1. Họ tên*(chữ in hoa)*: ......................................................................................

*Name and surname (capital letters)*:……………………………………….

2. Ngày tháng năm sinh:…...............................................................................

*Date of birth*:……………………………………………………………….

3. Giới tính:.......................................................................................................

*Sex*:…………………………………………………………………………

4. Quốc tịch:......................................................................................................

*Nationality*:…………………………………………………………………

5. Địa chỉ cư trú tại nước ngoài:………………………………………………….

*Address at foreign country*:……………………………………………….

6. Hộ chiếu số:...............................Loại:...........................................................

*Passport No*:………………….*Kind of passport*:…………………………..

Ngày cấp: .............................. Giá trị đến: ........................................................

*Date of issue*:………………..*Date of expity*:………………………………...

Cơ quan cấp:.....................................................................................................

*Issued by*:………………………………………………………………………

7. Nghề nghiệp:..................................................................................................

*Profession*:………………………………………………………………….

8. Nơi làm việc:.................................................................................................

*Place of work*:……………………………………………………………...

9. Chức vụ:........................................................................................................

*Position*:……………………………………………………………………

10. Địa chỉ cư trú hiện nay:………………………………………………….......

*Resident Address*:………………………………………………………….

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật.

*I swear the above declarations are true of which.*

Làm tại:...........................................

*Done at*:……………………………

Ngày *(date)*:....................................

*(Ký- signature)*

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Thủ tục:** | **Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và quản lý cơ sở kinh doanh** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  - Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  + Văn bản đề nghị nêu rõ lý do;  + Nộp bản sao hợp lệ tài liệu liên quan đến sự cần thiết phải cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Trong thời hạn 7 ngày làm việc. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận |
| + Lệ phí: | 300.000 Vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Không |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03/9/2009 của Chính phủ Quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;  - Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;  - Thông tư số 193/2010/TT-BTC ngày 02/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện về an ninh trật tự; phí sát hạch cấp chứng chỉ  nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu; lệ phí cấp giấy phép mang pháo hoa  vào, ra Việt Nam; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Thủ tục:** | **Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe có kết cấu tương tự.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  1. Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu);  2. Giấy tờ của chủ xe;  - Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:  + Chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.  + Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng).  Trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.  + Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.  - Chủ xe là cơ quan, tổ chức  Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam thì xuất trình Chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.  - Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.  3. Giấy tờ của xe.  Theo từng trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hoặc xuất trình những giấy tờ sau:  - Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe, gồm một trong các giấy tờ sau đây:  + Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.  + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.  + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định (đối với xe Công an); của Bộ Tổng tham mưu (đối với xe Quân đội).  + Văn bản đồng ý cho bán xe của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản đối với xe là tài sản của doanh nghiệp nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê.  + Quyết định phân bổ, điều động xe của Bộ Công an (xe được trang cấp) hoặc chứng từ mua bán (xe do các cơ quan, đơn vị tự mua sắm) đối với xe máy chuyên dùng phục vụ mục đích an ninh của Công an nhân dân.  + Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực.  Trường hợp chủ xe là cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân hoặc cá nhân nước ngoài làm việc trong cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế mà đăng ký xe theo địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.  - Chứng từ lệ phí trước bạ xe  + Biên lai hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc séc qua kho bạc nhà nước (có xác nhận của kho bạc nhà nước đã nhận tiền) hoặc giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính.  Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì mỗi xe đều phải có bản sao có chứng thực theo quy định hoặc xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ lệ phí trước bạ đó.  + Xe được miễn lệ phí trước bạ, thì chỉ cần tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (thay cho biên lai hoặc giấy nộp lệ phí trước bạ).  - Chứng từ nguồn gốc xe  + Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, xe miễn thuế, xe chuyên dùng có thuế suất 0%, xe viện trợ dự án: Tờ khai nguồn gốc xe ô tô; xe gắn máy nhập khẩu (theo mẫu của Bộ Tài chính).  + Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu, quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển, xe viện trợ không hoàn lại, nhân đạo:   * Giấy phép nhập khẩu xe của cơ quan Hải quan và Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính * Biên lai thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (theo quy định phải có) hoặc lệnh ghi thu, ghi chi hoặc giấy nộp tiền qua kho bạc Nhà nước hoặc chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi qua ngân hàng ghi rõ đã nộp thuế.   Trường hợp không có biên lai thuế thì phải có quyết định miễn thuế hoặc văn bản cho miễn thuế của cấp có thẩm quyền hoặc có giấy xác nhận hàng viện trợ theo quy định của Bộ Tài chính (thay thế cho biên lai thuế).  Xe có thuế suất bằng 0% thì chỉ cần Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính trong đó phải ghi nhãn hiệu xe và số máy, số khung.   * Xe sản xuất, lắp ráp: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.   + Xe cải tạo:   * Giấy chứng nhận đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (xe đã qua sử dụng). * Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo của Bộ Giao thông vận tải hoặc của Bộ Công an (đối với xe của lực lượng Công an nhân dân).   Trường hợp xe chỉ thay thế tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung thì chứng từ nguồn gốc phải có thêm Tờ khai hàng xuất, nhập khẩu hoặc Tờ khai hải quan điện tử kèm theo bản kê khai chi tiết của tổng thành máy, tổng thành khung (bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp lệ).  Trường hợp sử dụng tổng thành máy hoặc tổng thành khung sản xuất trong nước phải có phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.  Trường hợp sử dụng tổng thành máy hoặc tổng thành khung của xe đã đăng ký, phải có thêm giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe (ghi rõ cấp cho tổng thành máy hoặc tổng thành khung).  Trường hợp sử dụng tổng thành máy, tổng thành khung bị tịch thu thì phải có thêm quyết định tịch thu của cấp có thẩm quyền kèm theo hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.  + Xe xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:   * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền. * Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển).   + Xe có quyết định xử lý vật chứng:   * Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Toà án nhân dân (bản chính cấp cho từng xe). * Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao (nếu là người bị hại).   Trường hợp quyết định xử lý vật chứng tịch thu sung quỹ nhà nước thì phải có hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển).  + Xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng kho ngoại quan:   * Chứng từ nguồn gốc nhập khẩu * Quyết định bán tài sản hàng tồn đọng kho ngoại quan của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng kho ngoại quan theo quy định của Bộ Tài chính.    Riêng đối với xe thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ thì phải có quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của Cục Hải quan  + Xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển: Quyết định bán tài sản của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính ký.   Trường hợp xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì chứng từ nguồn gốc thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều này.  + Xe thuộc diện phải truy thu thuế nhập khẩu (xe đã đăng ký, nay phát hiện chứng từ nguồn gốc giả):   * Biên lai thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (nếu có). * Giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc quyết định xử lý vật chứng hoặc kết luận bằng văn bản của cơ quan điều tra.   + Xe phải truy thu thêm thuế nhập khẩu:   * Quyết định truy thu thuế của Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. * Giấy nộp tiền thuế nhập khẩu vào ngân sách nhà nước. * Hồ sơ gốc của xe.   + Xe dự trữ quốc gia:   * Lệnh xuất bán hàng dự trữ quốc gia của Cục Dự trữ quốc gia; trường hợp nhiều xe chung một lệnh xuất bán hàng thì phải sao cho mỗi xe một lệnh (bản sao phải có xác nhận của Cục Dự trữ quốc gia). * Tờ khai nguồn gốc nhập khẩu xe hoặc giấy xác nhận của Tổng cục Hải quan (mỗi xe 1 bản chính) ghi rõ nhãn hiệu, số máy, số khung.   b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Cấp biển số trong ngày làm việc  - Giấy đăng ký cấp trong thời hạn không quá 2 ngày từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe |
| + Lệ phí: | 50.000vnđ/lần đăng ký |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE** *(Vehicle registation declaration)*

**A. PHẦN CHỦ XE TỰ KÊ KHAI** *(self declaration vehicle owner's)*

Tên chủ xe *(Owner's full name):*

Địa chỉ *(Address):*

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N0/Passport)*: …….…… cấp ngày.…/ …../ …… tại

Điện thoại *(phone number)* ………………………… Loại tài sản *(ô tô/car, xe máy/motorcar)*:

Nhãn hiệu *(Brand)*: ……………………………….... Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type)*: ……………………………………... Màu sơn *(color)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: …………………. Dung tích *(Capacity)*: cm3

Số máy *(Engine N0)*: …………………………….. Số khung *(Chassis N0)*:

Lý do: Cấp, đổi lại đăng ký, biển số *(Reason: issue, exchange, number plates, registation)*

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I swear on the content declaration is correct and complely responsible before law for the vehicle documents in the file)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày (date) ….. tháng ….. năm …..* CHỦ XE *(Owner's full name) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan) (Sinature, write full name ….)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE:**

BIỂN SỐ CŨ: ……………… BIỂN SỐ MỚI: ……………..

***Đăng ký mới:*** □; ***Đổi, cấp lại đăng ký, biển số*** □;

***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kích thước bao: Dài ……………m; Rộng …………..m; Cao ………………m

Tự trọng: …………………………kg; Kích cỡ lốp:

Tải trọng: Hàng hóa: ……………kg; Trọng lượng kéo theo: kg;

Kích thước thùng: …………………..mm; Chiều dài cơ sở mm;

Số chỗ: ngồi …………………., đứng …………………………., nằm ………

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | LOẠI CHỨNG TỪ | CƠ QUAN CẤP | SỐ CHỨNG TỪ | NGÀY CẤP |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| 3. |  |  |  |  |
| 4. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……..(1)…. (Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | *…..(2)… (Ký tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng: ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng: Ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng: ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng: ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Thủ tục:** | **Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe có kết cấu tương tự bị mất.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  1. Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu);  2. Giấy tờ của chủ xe;  - Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:  + Chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.  + Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng).  Trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.  + Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.  - Chủ xe là cơ quan, tổ chức  Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam thì xuất trình Chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.  - Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Cấp biển số trong ngày làm việc, trường hợp cần chờ sản xuất biển thời hạn không quá 7 ngày làm việc.  - Giấy đăng ký cấp trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe (nếu cần) |
| + Lệ phí: | - Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kèm biển số xe 50.000vnđ/lần.  - Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số xe 30.000vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE** *(Vehicle registation declaration)*

**A. PHẦN CHỦ XE TỰ KÊ KHAI** *(self declaration vehicle owner's)*

Tên chủ xe *(Owner's full name):*

Địa chỉ *(Address):*

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N0/Passport)*: …….…… cấp ngày.…/ …../ …… tại

Điện thoại *(phone number)* ………………………… Loại tài sản *(ô tô/car, xe máy/motorcar)*:

Nhãn hiệu *(Brand)*: ……………………………….... Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type)*: ……………………………………... Màu sơn *(color)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: …………………. Dung tích *(Capacity)*: cm3

Số máy *(Engine N0)*: …………………………….. Số khung *(Chassis N0)*:

Lý do: Cấp, đổi lại đăng ký, biển số *(Reason: issue, exchange, number plates, registation)*

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I swear on the content declaration is correct and complely responsible before law for the vehicle documents in the file)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày (date) ….. tháng ….. năm …..* CHỦ XE *(Owner's full name) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan) (Sinature, write full name ….)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE:**

BIỂN SỐ CŨ: ……………… BIỂN SỐ MỚI: ……………..

***Đăng ký mới:*** □; ***Đổi, cấp lại đăng ký, biển số*** □;

***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kích thước bao: Dài ……………m; Rộng …………..m; Cao ………………m

Tự trọng: …………………………kg; Kích cỡ lốp:

Tải trọng: Hàng hóa: ……………kg; Trọng lượng kéo theo: kg;

Kích thước thùng: …………………..mm; Chiều dài cơ sở mm;

Số chỗ: ngồi …………………., đứng …………………………., nằm ………

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | LOẠI CHỨNG TỪ | CƠ QUAN CẤP | SỐ CHỨNG TỪ | NGÀY CẤP |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| 3. |  |  |  |  |
| 4. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……..(1)…. (Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | *…..(2)… (Ký tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng: ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng: Ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng: ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng: ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Thủ tục:** | **Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và các loại xe có kết cấu tương tự.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  1. Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu);  2. Giấy tờ của chủ xe;  - Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:  + Chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.  + Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng).  Trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.  + Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.  - Chủ xe là cơ quan, tổ chức  Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam thì xuất trình Chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.  - Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.  3. Nộp lại giấy chứng nhận đăng ký xe (trường hợp đổi giấy chứng nhận đăng ký xe) hoặc biển số xe (trường hợp đổi biển số xe).  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Cấp biển số trong ngày làm việc, trường hợp cần chờ sản xuất biển thời hạn không quá 7 ngày làm việc  - Giấy đăng ký cấp trong thời hạn 2 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe (nếu cần) |
| + Lệ phí: | - Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký kèm biển số xe 50.000vnđ/lần.  - Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số xe 30.000vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE** *(Vehicle registation declaration)*

**A. PHẦN CHỦ XE TỰ KÊ KHAI** *(self declaration vehicle owner's)*

Tên chủ xe *(Owner's full name):*

Địa chỉ *(Address):*

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N0/Passport)*: …….…… cấp ngày.…/ …../ …… tại

Điện thoại *(phone number)* ………………………… Loại tài sản *(ô tô/car, xe máy/motorcar)*:

Nhãn hiệu *(Brand)*: ……………………………….... Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type)*: ……………………………………... Màu sơn *(color)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: …………………. Dung tích *(Capacity)*: cm3

Số máy *(Engine N0)*: …………………………….. Số khung *(Chassis N0)*:

Lý do: Cấp, đổi lại đăng ký, biển số *(Reason: issue, exchange, number plates, registation)*

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I swear on the content declaration is correct and complely responsible before law for the vehicle documents in the file)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày (date) ….. tháng ….. năm …..* CHỦ XE *(Owner's full name) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan) (Sinature, write full name ….)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE:**

BIỂN SỐ CŨ: ……………… BIỂN SỐ MỚI: ……………..

***Đăng ký mới:*** □; ***Đổi, cấp lại đăng ký, biển số*** □;

***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kích thước bao: Dài ……………m; Rộng …………..m; Cao ………………m

Tự trọng: …………………………kg; Kích cỡ lốp:

Tải trọng: Hàng hóa: ……………kg; Trọng lượng kéo theo: kg;

Kích thước thùng: …………………..mm; Chiều dài cơ sở mm;

Số chỗ: ngồi …………………., đứng …………………………., nằm ………

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | LOẠI CHỨNG TỪ | CƠ QUAN CẤP | SỐ CHỨNG TỪ | NGÀY CẤP |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| 3. |  |  |  |  |
| 4. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……..(1)…. (Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | *…..(2)… (Ký tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng: ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng: Ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng: ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng: ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **6. Thủ tục:** | **Cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe cho chủ xe.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  Giấy khai thu hồi đăng ký, biển số xe (mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này); nộp lại giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe. Chủ xe không phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe.  Trường hợp bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe thì phải có đơn trình báo và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật (đối với cá nhân) và công văn đề nghị (đối với tổ chức)  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Trong ngày |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký xe và biển số xe |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai thu hồi đăng ký xe (mẫu số 05) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư liên tịch số 31/2007/TTLT-BCA-BGTVT ngày 28/12/2007 hướng dẫn về việc xóa sổ đăng ký, thu hồi biển số của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hết niên hạn sử dụng. |

***Mẫu số 05 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI THU HỒI CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE**

***Declaration paper to revoke certificate of licensen plate registratio***

XE *(vehicle):* …………………. BIỂN SỐ *(license plate): ……………………..*

Tên chủ xe *(Owner's full name):*

Địa chỉ *(Address)*:

Điện thoại *(phone number)*: ……………………………………

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card No/Passport)*: ………….. cấp ngày.…./ …./... tại

Đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số *(Proposal for revoking certificate of licensen plate registration)*:

Nhãn hiệu *(Brand)*: …………………………. Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type)*: ……………………………… Màu sơn *(color)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: ………………… Dung tích *(Capacity)*: cm3

Số máy *(Engine No)*: ……………..……………… Số khung *(Chassis No):*

Lý do thu hồi *(Reson for rovoke)*:

Kèm theo giấy này có *(Accompanied with this paper)*:

Đề nghị *(Proposal)*: (1)

thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số và cấp giấy chứng nhận đã thu hồi đăng ký, biển số xe *(Rovoked certificate of licensen plate registration and Certificate of revoked license plate registration)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….. ngày (date) …. tháng …. năm ….* CHỦ XE (*Owner's full name) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS: ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng CSGT; ở CA cấp huyện ghi Công an quận, huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **7. Thủ tục:** | **Đăng ký sang tên xe trong cùng tỉnh.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  Xuất trình một trong các giấy tờ sau:  - Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:  + Chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.  + Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng).  Trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.  + Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.  - Chủ xe là cơ quan, tổ chức  Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam thì xuất trình Chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.  - Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.  Nộp các giấy tờ sau:  - Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02).  - Giấy chứng nhận đăng ký xe.  - Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe gồm một trong những giấy tờ sau:  + Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.  + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.  + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định (đối với xe Công an); của Bộ Tổng tham mưu (đối với xe Quân đội).  + Văn bản đồng ý cho bán xe của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản đối với xe là tài sản của doanh nghiệp nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê.  + Quyết định phân bổ, điều động xe của Bộ Công an (xe được trang cấp) hoặc chứng từ mua bán (xe do các cơ quan, đơn vị tự mua sắm) đối với xe máy chuyên dùng phục vụ mục đích an ninh của Công an nhân dân.  + Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực.  - Chứng từ lệ phí trước bạ gồm:  + Biên lai hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc séc qua kho bạc nhà nước (có xác nhận của kho bạc nhà nước đã nhận tiền) hoặc giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính.  Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì mỗi xe đều phải có bản sao có chứng thực theo quy định hoặc xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ lệ phí trước bạ đó.  + Xe được miễn lệ phí trước bạ, thì chỉ cần tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (thay cho biên lai hoặc giấy nộp lệ phí trước bạ).  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Cấp biển số trong ngày làm việc, trường hợp cần chờ sản xuất biển thời hạn không quá 7 ngày làm việc  - Giấy đăng ký cấp trong thời hạn 2 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. |
| + Lệ phí: | - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm biển số xe 50.000vnđ/lần.  - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số xe 30.000vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE** *(Vehicle registation declaration)*

**A. PHẦN CHỦ XE TỰ KÊ KHAI** *(self declaration vehicle owner's)*

Tên chủ xe *(Owner's full name):*

Địa chỉ *(Address):*

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N0/Passport)*: …….…… cấp ngày.…/ …../ …… tại

Điện thoại *(phone number)* ………………………… Loại tài sản *(ô tô/car, xe máy/motorcar)*:

Nhãn hiệu *(Brand)*: ……………………………….... Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type)*: ……………………………………... Màu sơn *(color)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: …………………. Dung tích *(Capacity)*: cm3

Số máy *(Engine N0)*: …………………………….. Số khung *(Chassis N0)*:

Lý do: Cấp, đổi lại đăng ký, biển số *(Reason: issue, exchange, number plates, registation)*

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I swear on the content declaration is correct and complely responsible before law for the vehicle documents in the file)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày (date) ….. tháng ….. năm …..* CHỦ XE *(Owner's full name) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan) (Sinature, write full name ….)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE:**

BIỂN SỐ CŨ: ……………… BIỂN SỐ MỚI: ……………..

***Đăng ký mới:*** □; ***Đổi, cấp lại đăng ký, biển số*** □;

***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kích thước bao: Dài ……………m; Rộng …………..m; Cao ………………m

Tự trọng: …………………………kg; Kích cỡ lốp:

Tải trọng: Hàng hóa: ……………kg; Trọng lượng kéo theo: kg;

Kích thước thùng: …………………..mm; Chiều dài cơ sở mm;

Số chỗ: ngồi …………………., đứng …………………………., nằm ………

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | LOẠI CHỨNG TỪ | CƠ QUAN CẤP | SỐ CHỨNG TỪ | NGÀY CẤP |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| 3. |  |  |  |  |
| 4. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……..(1)…. (Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | *…..(2)… (Ký tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng: ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng: Ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng: ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng: ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **8. Thủ tục:** | **Đăng ký sang tên xe, di chuyển xe đi tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương khác.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  Xuất trình một trong các giấy tờ sau:  - Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:  + Chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.  + Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng).  Trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.  + Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.  - Chủ xe là cơ quan, tổ chức  Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam thì xuất trình Chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.  - Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.  Nộp các giấy tờ sau:  - Hai giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 04).  - Giấy chứng nhận đăng ký xe.  - Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe gồm một trong những giấy tờ sau:  + Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.  + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.  + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định (đối với xe Công an); của Bộ Tổng tham mưu (đối với xe Quân đội).  + Văn bản đồng ý cho bán xe của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản đối với xe là tài sản của doanh nghiệp nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê.  + Quyết định phân bổ, điều động xe của Bộ Công an (xe được trang cấp) hoặc chứng từ mua bán (xe do các cơ quan, đơn vị tự mua sắm) đối với xe máy chuyên dùng phục vụ mục đích an ninh của Công an nhân dân.  + Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực.  Trường hợp di chuyển nguyên chủ đi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) khác, phải có quyết định điều động công tác hoặc Sổ hộ khẩu thay cho chứng từ chuyển quyền sở hữu xe.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Trong ngày |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | 01 phiếu sang tên di chuyển và 01 giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 04) kèm theo hồ sơ gốc của xe. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 04) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 04 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI SANG TÊN, DI CHUYỂN**  
***(Certificate moving vehicle title transfer)***

XE *(Vehicle):* …………………………………….BIỂN SỐ *(Number Plate):*

1- Tên chủ xe *(Owner's full name):*

2- Địa chỉ *(Address):*

3- Số CMND *(Identity Card N0): ………………* cấp ngày …./ …./ …. tại

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau *(Characteristics of the vehicle)*:

Nhãn hiệu *(Brand): …………………………….* Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type):* …………………………………. Màu sơn *(Color):*

Số máy *(Engine No):* …………………………. Số khung *(Chassis No):*

5- Nay sang tên cho chủ xe mới *(Now to move the car to new vehicle owners)*

6- Địa chỉ *(Address)*

7- Lý do sang tên, di chuyển (điều động hoặc cho, tặng, thừa kế, mua lại) *(reason for transfer):*

8- Kèm theo giấy này có *(attached documents)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

9- Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I bear full responsibility before law for the papers in the car records)*. Chủ xe mới hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về đăng ký và sử dụng lưu hành xe theo quy định của pháp luật; phải làm thủ tục sang tên, di chuyển trong vòng 30 ngày kể từ ngày bán, cho, tặng, điều chuyển *(New vehicle owners bear full legal responsibility for the registration and use of the vehicle used in accordance with the law have procedures for transfer, to move within 30 days of sale, donation, transfer)*.

10- Đề nghị cơ quan đăng ký: (1)

xem xét và làm thủ tục sang tên, di chuyển chiếc xe nói trên *(proposed vehicle registration agency considered and the procedures to name my car)*.

|  |  |
| --- | --- |
| CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CHỦ XE *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)* |

(2)  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT…., ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện …..*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng, ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng Công an huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **9. Thủ tục:** | **Đăng ký sang tên xe trong cùng tỉnh trường hợp xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều người.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Trường hợp người đang sử dụng xe có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người bán cuối cùng:  + Giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) có cam kết của người đang sử dụng xe chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục đăng ký, có xác nhận về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe của Công an cấp xã nơi người đang sử dụng xe thường trú.  + Chứng từ nộp lệ phí trước bạ xe theo quy định.  + Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người bán cuối cùng.  + Giấy chứng nhận đăng ký xe. Trường hợp bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe phải trình bày rõ lý do trong giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe.  - Trường hợp người đang sử dụng xe không có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe:  + Giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) có cam kết của người đang sử dụng xe chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục đăng ký, có xác nhận về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe của Công an cấp xã nơi người đang sử dụng xe thường trú.  + Chứng từ nộp lệ phí trước bạ xe theo quy định.  + Giấy chứng nhận đăng ký xe. Trường hợp bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe phải trình bày rõ lý do trong giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Trường hợp người đang sử dụng xe có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người bán cuối cùng thời hạn giải quyết là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp người đang sử dụng xe không có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe thì thời hạn giải quyết là 30 ngày. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số |
| + Lệ phí: | - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm biển số xe 50.000vnđ/lần.  - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số xe 30.000vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 03 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ SANG TÊN, DI CHUYỂN XE**

**A. PHẦN KÊ KHAI, CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG XE**

1- Họ và tên người đang sử dụng xe:

2- Địa chỉ:

3- Số CMND: ……………………cấp ngày …./ …./ ….. tại

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau:

Xe: …………………………………………………… Biển số:

Nhãn hiệu: ………………………………………….. Số loại:

Loại xe: ……………………………………………… Màu sơn:

Số máy: …………………………………………….. Số khung:

Số chỗ: ngồi: …….. đứng…….. nằm: ………; dung tích cm3

5- Tên người đứng tên trong giấy đăng ký xe:

6- Địa chỉ:

7- Trình bày nguồn gốc xe: (1)

8- Kèm theo:

9- Đề nghị cơ quan đăng ký: (2)

***Đăng ký sang tên*** □ ***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

10- Tôi xin cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục sang tên di chuyển. Nếu có tranh chấp, khiếu kiện tôi sẽ có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN *(Về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG XE *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA, XÁC MINH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE**

BIỂN SỐ CŨ: …………………………….. BIỂN SỐ MỚI:

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kết quả kiểm tra, xác minh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)* | (3) *(Ký, ghi rõ họ tên)* | (4) *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Trình bày nguồn gốc xe (xe do mua, cho, tặng, thừa kế…)*

*(2) Ở Bộ ghi Cục CGSTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT….; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện…*

*(3) Ở Bộ ghi Trưởng phòng; ở Tỉnh, Tp ghi Đội trưởng; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Đội Trưởng.*

*(4) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở Tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **10. Thủ tục:** | **Đăng ký sang tên, di chuyển xe đi tỉnh khác trường hợp xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều người.** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Trường hợp người đang sử dụng xe có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người bán cuối cùng:  + 02 giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) có cam kết của người đang sử dụng xe chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục đăng ký, có xác nhận về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe của Công an cấp xã nơi người đang sử dụng xe thường trú.  + Chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng từ chuyển quyền sở hữu của người bán cuối cùng.  + Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. Trường hợp bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe phải trình bày rõ lý do trong giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03).  - Trường hợp người đang sử dụng xe không có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe:  + 02 giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) có cam kết của người đang sử dụng xe chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục đăng ký, có xác nhận về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe của Công an cấp xã nơi người đang sử dụng xe thường trú.  + Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. Trường hợp bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe phải trình bày rõ lý do trong giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03).  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Trường hợp người đang sử dụng xe có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe và chứng từ chuyển quyền sở hữu xe của người bán cuối cùng thời hạn giải quyết là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Trường hợp người đang sử dụng xe không có chứng từ chuyển quyền sở hữu xe thì thời hạn giải quyết là 30 ngày. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | 01 phiếu sang tên di chuyển và 01 giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) kèm theo hồ sơ gốc của xe. |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 03 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ SANG TÊN, DI CHUYỂN XE**

**A. PHẦN KÊ KHAI, CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG XE**

1- Họ và tên người đang sử dụng xe:

2- Địa chỉ:

3- Số CMND: ……………………cấp ngày …./ …./ ….. tại

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau:

Xe: …………………………………………………… Biển số:

Nhãn hiệu: ………………………………………….. Số loại:

Loại xe: ……………………………………………… Màu sơn:

Số máy: …………………………………………….. Số khung:

Số chỗ: ngồi: …….. đứng…….. nằm: ………; dung tích cm3

5- Tên người đứng tên trong giấy đăng ký xe:

6- Địa chỉ:

7- Trình bày nguồn gốc xe: (1)

8- Kèm theo:

9- Đề nghị cơ quan đăng ký: (2)

***Đăng ký sang tên*** □ ***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

10- Tôi xin cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục sang tên di chuyển. Nếu có tranh chấp, khiếu kiện tôi sẽ có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN *(Về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG XE *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA, XÁC MINH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE**

BIỂN SỐ CŨ: …………………………….. BIỂN SỐ MỚI:

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kết quả kiểm tra, xác minh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)* | (3) *(Ký, ghi rõ họ tên)* | (4) *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Trình bày nguồn gốc xe (xe do mua, cho, tặng, thừa kế…)*

*(2) Ở Bộ ghi Cục CGSTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT….; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện…*

*(3) Ở Bộ ghi Trưởng phòng; ở Tỉnh, Tp ghi Đội trưởng; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Đội Trưởng.*

*(4) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở Tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **11. Thủ tục:** | **Đăng ký xe từ tỉnh khác chuyển đến** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  Xuất trình các giấy tờ sau:  - Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:  + Chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Chứng minh nhân dân hoặc nơi đăng ký thường trú ghi trong Chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.  + Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng).  Trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.  + Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.  - Chủ xe là cơ quan, tổ chức  Chủ xe là cơ quan, tổ chức Việt Nam thì xuất trình Chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.  - Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.  Nộp các giấy tờ sau:  - Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu số 02);  - Chứng từ lệ phí trước bạ xe:  + Biên lai hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc séc qua kho bạc nhà nước (có xác nhận của kho bạc nhà nước đã nhận tiền) hoặc giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính.  Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì mỗi xe đều phải có bản sao có chứng thực theo quy định hoặc xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ lệ phí trước bạ đó.  + Xe được miễn lệ phí trước bạ, thì chỉ cần tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (thay cho biên lai hoặc giấy nộp lệ phí trước bạ).  - Giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 04); phiếu sang tên di chuyển xe; chứng từ chuyển quyền sở hữu xe gồm một trong các giấy tờ sau đây:  + Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.  + Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.  + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.  + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định (đối với xe Công an); của Bộ Tổng tham mưu (đối với xe Quân đội).  + Văn bản đồng ý cho bán xe của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản đối với xe là tài sản của doanh nghiệp nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê.  + Quyết định phân bổ, điều động xe của Bộ Công an (xe được trang cấp) hoặc chứng từ mua bán (xe do các cơ quan, đơn vị tự mua sắm) đối với xe máy chuyên dùng phục vụ mục đích an ninh của Công an nhân dân.  + Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực.  Trường hợp chủ xe là cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân hoặc cá nhân nước ngoài làm việc trong cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế mà đăng ký xe theo địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.  - Hồ sơ gốc của xe theo quy định.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Cấp biển số trong ngày làm việc, trường hợp cần chờ sản xuất biển thời hạn không quá 7 ngày làm việc  - Giấy đăng ký cấp trong thời hạn 2 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, Tổ chức. |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe |
| + Lệ phí: | - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm biển số xe 50.000vnđ/lần.  - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số xe 30.000vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02); giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 04). |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 02 Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE** *(Vehicle registation declaration)*

**A. PHẦN CHỦ XE TỰ KÊ KHAI** *(self declaration vehicle owner's)*

Tên chủ xe *(Owner's full name):*

Địa chỉ *(Address):*

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N0/Passport)*: …….…… cấp ngày.…/ …../ …… tại

Điện thoại *(phone number)* ………………………… Loại tài sản *(ô tô/car, xe máy/motorcar)*:

Nhãn hiệu *(Brand)*: ……………………………….... Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type)*: ……………………………………... Màu sơn *(color)*:

Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: …………………. Dung tích *(Capacity)*: cm3

Số máy *(Engine N0)*: …………………………….. Số khung *(Chassis N0)*:

Lý do: Cấp, đổi lại đăng ký, biển số *(Reason: issue, exchange, number plates, registation)*

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I swear on the content declaration is correct and complely responsible before law for the vehicle documents in the file)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày (date) ….. tháng ….. năm …..* CHỦ XE *(Owner's full name) (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan) (Sinature, write full name ….)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE:**

BIỂN SỐ CŨ: ……………… BIỂN SỐ MỚI: ……………..

***Đăng ký mới:*** □; ***Đổi, cấp lại đăng ký, biển số*** □;

***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kích thước bao: Dài ……………m; Rộng …………..m; Cao ………………m

Tự trọng: …………………………kg; Kích cỡ lốp:

Tải trọng: Hàng hóa: ……………kg; Trọng lượng kéo theo: kg;

Kích thước thùng: …………………..mm; Chiều dài cơ sở mm;

Số chỗ: ngồi …………………., đứng …………………………., nằm ………

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | LOẠI CHỨNG TỪ | CƠ QUAN CẤP | SỐ CHỨNG TỪ | NGÀY CẤP |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| 3. |  |  |  |  |
| 4. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……..(1)…. (Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | *…..(2)… (Ký tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng: ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng: Ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng: ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng: ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện, thị xã, TP.*

***Mẫu số 04 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI SANG TÊN, DI CHUYỂN**  
***(Certificate moving vehicle title transfer)***

XE *(Vehicle):* …………………………………….BIỂN SỐ *(Number Plate):*

1- Tên chủ xe *(Owner's full name):*

2- Địa chỉ *(Address):*

3- Số CMND *(Identity Card N0): ………………* cấp ngày …./ …./ …. tại

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau *(Characteristics of the vehicle)*:

Nhãn hiệu *(Brand): …………………………….* Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type):* …………………………………. Màu sơn *(Color):*

Số máy *(Engine No):* …………………………. Số khung *(Chassis No):*

5- Nay sang tên cho chủ xe mới *(Now to move the car to new vehicle owners)*

6- Địa chỉ *(Address)*

7- Lý do sang tên, di chuyển (điều động hoặc cho, tặng, thừa kế, mua lại) *(reason for transfer):*

8- Kèm theo giấy này có *(attached documents)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

9- Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I bear full responsibility before law for the papers in the car records)*. Chủ xe mới hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về đăng ký và sử dụng lưu hành xe theo quy định của pháp luật; phải làm thủ tục sang tên, di chuyển trong vòng 30 ngày kể từ ngày bán, cho, tặng, điều chuyển *(New vehicle owners bear full legal responsibility for the registration and use of the vehicle used in accordance with the law have procedures for transfer, to move within 30 days of sale, donation, transfer)*.

10- Đề nghị cơ quan đăng ký: (1)

xem xét và làm thủ tục sang tên, di chuyển chiếc xe nói trên *(proposed vehicle registration agency considered and the procedures to name my car)*.

|  |  |
| --- | --- |
| CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CHỦ XE *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)* |

(2)  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*------------------------*

*(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT…., ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện …..*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng, ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng Công an huyện, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **12. Thủ tục:** | **Đăng ký xe từ tỉnh khác chuyển đến trường hợp xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều người** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02).  - Giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03) và Phiếu sang tên di chuyển, kèm theo hồ sơ gốc của xe.  - Chứng từ nộp lệ phí trước bạ theo quy định.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 2 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ hợp lệ. |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, tổ chức |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp huyện.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe |
| + Lệ phí: | - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm biển số xe 50.000vnđ/lần.  - Trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số xe 30.000vnđ/lần. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02); giấy khai sang tên, di chuyển xe (mẫu số 03). |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;  - Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đăng ký xe;  - Thông tư số 37/2010/TT-BCA ngày 12/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình đăng ký xe;  - Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/09/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |

***Mẫu số 04 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI SANG TÊN, DI CHUYỂN**  
***(Certificate moving vehicle title transfer)***

XE *(Vehicle):* …………………………………….BIỂN SỐ *(Number Plate):*

1- Tên chủ xe *(Owner's full name):*

2- Địa chỉ *(Address):*

3- Số CMND *(Identity Card N0): ………………* cấp ngày …./ …./ …. tại

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau *(Characteristics of the vehicle)*:

Nhãn hiệu *(Brand): …………………………….* Số loại *(Model code)*:

Loại xe *(Type):* …………………………………. Màu sơn *(Color):*

Số máy *(Engine No):* …………………………. Số khung *(Chassis No):*

5- Nay sang tên cho chủ xe mới *(Now to move the car to new vehicle owners)*

6- Địa chỉ *(Address)*

7- Lý do sang tên, di chuyển (điều động hoặc cho, tặng, thừa kế, mua lại) *(reason for transfer):*

8- Kèm theo giấy này có *(attached documents)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

9- Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe *(I bear full responsibility before law for the papers in the car records)*. Chủ xe mới hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về đăng ký và sử dụng lưu hành xe theo quy định của pháp luật; phải làm thủ tục sang tên, di chuyển trong vòng 30 ngày kể từ ngày bán, cho, tặng, điều chuyển *(New vehicle owners bear full legal responsibility for the registration and use of the vehicle used in accordance with the law have procedures for transfer, to move within 30 days of sale, donation, transfer)*.

10- Đề nghị cơ quan đăng ký: (1)

xem xét và làm thủ tục sang tên, di chuyển chiếc xe nói trên *(proposed vehicle registration agency considered and the procedures to name my car)*.

|  |  |
| --- | --- |
| CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* CHỦ XE *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)* |

(2)  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT…., ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện …..*

*(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng, ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng Công an huyện, thị xã, TP.*

***Mẫu số 03 (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an)***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ SANG TÊN, DI CHUYỂN XE**

**A. PHẦN KÊ KHAI, CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG XE**

1- Họ và tên người đang sử dụng xe:

2- Địa chỉ:

3- Số CMND: ……………………cấp ngày …./ …./ ….. tại

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau:

Xe: …………………………………………………… Biển số:

Nhãn hiệu: ………………………………………….. Số loại:

Loại xe: ……………………………………………… Màu sơn:

Số máy: …………………………………………….. Số khung:

Số chỗ: ngồi: …….. đứng…….. nằm: ………; dung tích cm3

5- Tên người đứng tên trong giấy đăng ký xe:

6- Địa chỉ:

7- Trình bày nguồn gốc xe: (1)

8- Kèm theo:

9- Đề nghị cơ quan đăng ký: (2)

***Đăng ký sang tên*** □ ***Đăng ký sang tên, di chuyển*** □

10- Tôi xin cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe làm thủ tục sang tên di chuyển. Nếu có tranh chấp, khiếu kiện tôi sẽ có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN *(Về địa chỉ thường trú của người đang sử dụng xe)* | *…….., ngày …. tháng …. năm ….* NGƯỜI ĐANG SỬ DỤNG XE *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)* |

**B. PHẦN KIỂM TRA, XÁC MINH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE**

BIỂN SỐ CŨ: …………………………….. BIỂN SỐ MỚI:

**DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG** (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nơi dán bản cà số máy |  | Nơi dán bản cà số khung |

Kết quả kiểm tra, xác minh:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC *(Ký, ghi rõ họ tên)* | (3) *(Ký, ghi rõ họ tên)* | (4) *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Trình bày nguồn gốc xe (xe do mua, cho, tặng, thừa kế…)*

*(2) Ở Bộ ghi Cục CGSTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT….; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện…*

*(3) Ở Bộ ghi Trưởng phòng; ở Tỉnh, Tp ghi Đội trưởng; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Đội Trưởng.*

*(4) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở Tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng; ở huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, TP.*

|  |  |
| --- | --- |
| **13. Thủ tục:** | **Cấp giấy chuyển hộ khẩu trên địa bàn thành phố Hưng Yên** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an TP Hưng Yên |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;  - Sổ hộ khẩu (hoặc sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể đã được cấp trước đây).  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an TP Hưng Yên.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an TP Hưng Yên.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Giấy chuyển hộ khẩu |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu Mẫu HK02 *(ban hành theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014)* |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Cư trú ngày 29/11/2006;  - Luật số 36/2013/QH13 ngày 20/6/2013 sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2006  - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú;  - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú; |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK02 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: …………………………….

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên (1): ……………..................................... 2. Giới tính: ………………..

3. CMND số:……….............…………………….4. Hộ chiếu số: ……………….

5. Nơi thường trú: …………………………………………………………………

6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:………..................…………………………………….. Số điện thoại liên hệ:

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên (1):…………….................……………. 2. Giới tính:………………..

3. Ngày, tháng, năm sinh:……/….../…................ 4. Dân tộc:……..5. Quốc tịch:…………………....................................................

6. CMND số:……………………………. 7. Hộ chiếu số: ……………………….

8. Nơi sinh: ………………………………………………………………………..

9. Nguyên quán: …………………………………………………………………..

10. Nghề nghiệp, nơi làm việc: ……………………………………………………

11. Nơi thường trú: ………..............................................................................…… Số điện thoại liên hệ:……………………………………………………………

13. Họ và tên chủ hộ:……………....................…….……….14. Quan hệ với chủ hộ:……………………………….........................................

15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (2):

16. Những người cùng thay đổi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Nơi sinh** | **Nghề nghiệp** | **Dân tộc** | **Quốc tịch** | **CMND số (hoặc Hộ chiếu số)** | **Quan hệ với người có thay đổi** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày….tháng….năm…* Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ (3) *(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày….tháng….năm…* NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO *(Ký, ghi rõ họ tên*) |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…tháng…năm…* TRƯỞNG CÔNG AN:……….. *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...*

*(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

*(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

*Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **14. Thủ tục:** | **Xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hưng Yên** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  - Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an TP Hưng Yên |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;  - Sổ hộ khẩu (hoặc sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể đã được cấp trước đây).  - Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp xóa đăng ký thường trú sau:  + Chết, bị Toà án tuyên bố là mất tích hoặc đã chết;  + Được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại;  + Đã có quyết định huỷ đăng ký thường trú của cơ quan có thẩm quyền;  + Ra nước ngoài để định cư;  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an TP Hưng Yên.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an TP Hưng Yên.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Xóa tên công dân trong sổ đăng ký thường trú và trong sổ hộ khẩu |
| + Lệ phí: | Không |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu Mẫu HK02 *(ban hành theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014)* |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Cư trú ngày 29/11/2006;  - Luật số 36/2013/QH13 ngày 20/6/2013 sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2006  - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú;  - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú; |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK02 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: …………………………….

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên (1): ……………..................................... 2. Giới tính: ………………..

3. CMND số:……….............…………………….4. Hộ chiếu số: ……………….

5. Nơi thường trú: …………………………………………………………………

6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:………..................…………………………………….. Số điện thoại liên hệ:

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên (1):…………….................……………. 2. Giới tính:………………..

3. Ngày, tháng, năm sinh:……/….../…................ 4. Dân tộc:……..5. Quốc tịch:…………………....................................................

6. CMND số:……………………………. 7. Hộ chiếu số: ……………………….

8. Nơi sinh: ………………………………………………………………………..

9. Nguyên quán: …………………………………………………………………..

10. Nghề nghiệp, nơi làm việc: ……………………………………………………

11. Nơi thường trú: ………..............................................................................…… Số điện thoại liên hệ:……………………………………………………………

13. Họ và tên chủ hộ:……………....................…….……….14. Quan hệ với chủ hộ:……………………………….........................................

15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (2):

16. Những người cùng thay đổi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Nơi sinh** | **Nghề nghiệp** | **Dân tộc** | **Quốc tịch** | **CMND số (hoặc Hộ chiếu số)** | **Quan hệ với người có thay đổi** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày….tháng….năm…* Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ (3) *(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày….tháng….năm…* NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO *(Ký, ghi rõ họ tên*) |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…tháng…năm…* TRƯỞNG CÔNG AN:……….. *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...*

*(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

*(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

*Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **15. Thủ tục:** | **Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu trên địa bàn thành phố Hưng Yên** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  - Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an TP Hưng Yên |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;  - Xuất trình sổ hộ khẩu;  \* Tùy từng trường hợp thay đổi mà xuất trình giấy tờ theo Điều 29 Luật Cư trú.  + Trường hợp có thay đổi chủ hộ thì hộ gia đình phải làm thủ tục thay đổi chủ hộ. Người đến làm thủ tục phải xuất trình sổ hộ khẩu; phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; ý kiến của chủ hộ hoặc người khác trong gia đình về việc thay đổi chủ hộ.  + Trường hợp có thay đổi về họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh hoặc các thay đổi khác về hộ tịch của người có tên trong sổ hộ khẩu thì chủ hộ hoặc người có thay đổi hoặc người được uỷ quyền phải làm thủ tục điều chỉnh. Người đến làm thủ tục phải xuất trình sổ hộ khẩu, giấy khai sinh hoặc quyết định đ­ược phép thay đổi của cơ quan có thẩm quyền về đăng ký hộ tịch; nộp phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu.  + Trường hợp có thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà thì cơ quan quản lý cư trú có thẩm quyền căn cứ vào quyết định thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đính chính trong sổ hộ khẩu.  + Trường hợp chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới trong phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuyển đi trong cùng một thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì chủ hộ hoặc người trong hộ hoặc người được uỷ quyền phải làm thủ tục điều chỉnh. Người đến làm thủ tục điều chỉnh phải nộp phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; xuất trình sổ hộ khẩu; giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp mới.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an TP Hưng Yên.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an TP Hưng Yên.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Sổ hộ khẩu (đã điều chỉnh) |
| + Lệ phí: | + Không quá 8.000 đồng/lần  Áp dụng đối với các phường thuộc thành phố Hưng Yên  + Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xoá đói, giảm nghèo. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu Mẫu HK02 *(ban hành theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014)* |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Trường hợp làm thủ tục điều chỉnh thay đổi trong sổ hộ khẩu thì người đến làm thủ tục phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; đối với người chưa thành niên thì việc làm thủ tục phải thông qua người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật về dân sự. |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Cư trú ngày 29/11/2006;  - Luật số 36/2013/QH13 ngày 20/6/2013 sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2006  - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú;  - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú;  - Thông tư 02/2014/ TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK02 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: …………………………….

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên (1): ……………..................................... 2. Giới tính: ………………..

3. CMND số:……….............…………………….4. Hộ chiếu số: ……………….

5. Nơi thường trú: …………………………………………………………………

6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:………..................…………………………………….. Số điện thoại liên hệ:

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên (1):…………….................……………. 2. Giới tính:………………..

3. Ngày, tháng, năm sinh:……/….../…................ 4. Dân tộc:……..5. Quốc tịch:…………………....................................................

6. CMND số:……………………………. 7. Hộ chiếu số: ……………………….

8. Nơi sinh: ………………………………………………………………………..

9. Nguyên quán: …………………………………………………………………..

10. Nghề nghiệp, nơi làm việc: ……………………………………………………

11. Nơi thường trú: ………..............................................................................…… Số điện thoại liên hệ:……………………………………………………………

13. Họ và tên chủ hộ:……………....................…….……….14. Quan hệ với chủ hộ:……………………………….........................................

15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (2):

16. Những người cùng thay đổi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Nơi sinh** | **Nghề nghiệp** | **Dân tộc** | **Quốc tịch** | **CMND số (hoặc Hộ chiếu số)** | **Quan hệ với người có thay đổi** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày….tháng….năm…* Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ (3) *(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày….tháng….năm…* NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO *(Ký, ghi rõ họ tên*) |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…tháng…năm…* TRƯỞNG CÔNG AN:……….. *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...*

*(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

*(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

*Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **16. Thủ tục:** | **Đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hưng Yên** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an TP Hưng Yên |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;  - Bản khai nhân khẩu (đối với trường hợp phải khai bản khai nhân khẩu);  - Giấy chuyển hộ khẩu đối với trường hợp: chuyển đi ngoài phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh; chuyển đi ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã của thành phố trực thuộc trung ương; thị xã, thành phố thuộc tỉnh  - Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp quy định tại Điều 6 Nghị định số [31/2014/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=31/2014/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) :  \* Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của công dân là một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:  + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ;  + Giấy tờ về quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai (đã có nhà ở trên đất đó);  + Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp phải cấp giấy phép);  + Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc giấy tờ về hóa giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;  + Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng để bán;  + Giấy tờ về mua, bán, tặng, cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);  + Giấy tờ về giao tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, cấp nhà ở, đất ở cho cá nhân, hộ gia đình di dân theo kế hoạch của Nhà nước hoặc các đối tượng khác;  + Giấy tờ của Tòa án hoặc cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho được sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;  + Giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở nếu không có một trong các giấy tờ nêu trên;  + Giấy tờ chứng minh về đăng ký tàu, thuyền, phương tiện khác thuộc quyền sở hữu và địa chỉ bến gốc của phương tiện sử dụng để ở. Trường hợp không có giấy đăng ký thì cần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc có tàu, thuyền, phương tiện khác sử dụng để ở thuộc quyền sở hữu hoặc xác nhận việc mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế tàu, thuyền, phương tiện khác và địa chỉ bến gốc của phương tiện đó.  \* Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp là văn bản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở, nhà khác của cơ quan, tổ chức hoặc của cá nhân (trường hợp văn bản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở, nhà khác của cá nhân phải được công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã). Đối với nhà ở, nhà khác tại thành phố trực thuộc trung ương phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về điều kiện diện tích bình quân bảo đảm theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương và được người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý băng văn bản;  \* Giấy tờ của cơ quan, tổ chức, cơ sở tôn giáo về việc công dân có chỗ ở thuộc trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 26 của Luật Cư trú;  \* Giấy tờ của cơ quan, tổ chức do thủ trưởng cơ quan, tổ chức ký tên, đóng dấu chứng minh về việc được cấp, sử dụng nhà ở, chuyển nhượng nhà ở, có nhà ở tạo lập trên đất do cơ quan, tổ chức giao đất để làm nhà ở (đối với nhà ở, đất thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức).   Trường hợp chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ thì phải được người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý cho đăng ký thường trú vào chỗ ở của mình và ghi vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, ký, ghi rõ họ, tên; trường hợp người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý cho đăng ký thường trú vào chỗ ở của mình thì không phải ghi vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Đối với chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ tại thành phố trực thuộc Trung ương phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về điều kiện diện tích bình quân bảo đảm theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương.  Trường hợp có quan hệ gia đình là ông, bà nội, ngoại, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em ruột, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, cháu ruột chuyển đến ở với nhau; người chưa thành niên không còn cha, mẹ hoặc còn cha, mẹ nhưng cha, mẹ không có khả năng nuôi dưỡng, người khuyết tật mất khả năng lao động, người bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi về ở với người giám hộ thì không phải xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Ủy ban nhân dân cấp xã) về mối quan hệ nêu trên.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân, hộ gia đình |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an TP Hưng Yên.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an TP Hưng Yên.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Sổ hộ khẩu (hoặc ghi tên vào sổ quản lý hộ khẩu) |
| + Lệ phí: | + Không quá 20.000 đồng/lần đăng ký và cấp sổ;  + Không quá 15.000 đồng/lần đăng ký (nếu không cấp sổ).  Áp dụng đối với các phường thuộc thành phố Hưng Yên  + Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xoá đói, giảm nghèo. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Bản khai nhân khẩu Mẫu HK01; Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu Mẫu HK02 (ban hành theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Hồ sơ đăng ký thường trú đối với một số trường hợp cụ thể, phải có thêm giấy tờ sau:  + Trẻ em đăng ký thường trú theo quy định tại Điều 13 Luật Cư trú, khi đăng ký thường trú phải có giấy khai sinh;  + Người chưa thành niên nếu không đăng ký thường trú cùng cha, mẹ hoặc cha hoặc mẹ mà đăng ký thường trú cùng với người khác thì phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cha, mẹ hoặc cha hoặc mẹ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;  + Người được cơ quan, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc tập trung khi đăng ký thường trú thì cơ quan, tổ chức đó có văn bản đề nghị. Trường hợp được cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung thì cá nhân đó có văn bản đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Văn bản đề nghị cần nêu rõ các thông tin cơ bản của từng người như sau: Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nguyên quán, dân tộc, quốc tịch, tôn giáo, số chứng minh nhân dân, nơi thường trú trước khi chuyển đến, địa chỉ chỗ ở hiện nay;  + Người sinh sống tại cơ sở tôn giáo khi đăng ký thường trú phải có giấy tờ chứng minh là chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người khác chuyên hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;  Chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người khác chuyên hoạt động tôn giáo thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo, khi đăng ký thường trú tại các cơ sở tôn giáo phải có giấy tờ chứng minh việc thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;  + Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ thay hộ chiếu do nước ngoài cấp còn giá trị hoặc không có hộ chiếu nhưng có giấy tờ thường trú do nước ngoài cấp nay trở về Việt Nam thường trú, khi đăng ký thường trú phải có giấy tờ hồi hương do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp (nếu người đó ở nước ngoài) hoặc văn bản đồng ý cho giải quyết thường trú của Cục Quản lý xuất nhập cảnh (nếu người đó đang tạm trú ở trong nước), kèm theo giấy giới thiệu do Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh nơi người đó xin thường trú cấp;  + Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu còn giá trị sử dụng trở về Việt Nam thường trú khi đăng ký thường trú phải có hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu có dấu kiểm chứng của lực lượng kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu;  + Người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam khi đăng ký thường trú phải có giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam;  + Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân, viên chức Công an nhân dân ở trong doanh trại của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân khi đăng ký thường trú ngoài doanh trại thì phải có giấy giới thiệu hoặc xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của đơn vị mình). Trường hợp đã đăng ký thường trú ngoài doanh trại khi thay đổi nơi đăng ký thường trú phải có giấy chuyển hộ khẩu;  + Cá nhân được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình khi đăng ký thường trú phải có ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chữ ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Cư trú ngày 29/11/2006;  - Luật số 36/2013/QH13 ngày 20/6/2013 sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2006  - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú;  - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú;  - Thông tư 02/2014/ TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK02 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: …………………………….

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên (1): ……………..................................... 2. Giới tính: ………………..

3. CMND số:……….............…………………….4. Hộ chiếu số: ……………….

5. Nơi thường trú: …………………………………………………………………

6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:………..................…………………………………….. Số điện thoại liên hệ:

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên (1):…………….................……………. 2. Giới tính:………………..

3. Ngày, tháng, năm sinh:……/….../…................ 4. Dân tộc:……..5. Quốc tịch:…………………....................................................

6. CMND số:……………………………. 7. Hộ chiếu số: ……………………….

8. Nơi sinh: ………………………………………………………………………..

9. Nguyên quán: …………………………………………………………………..

10. Nghề nghiệp, nơi làm việc: ……………………………………………………

11. Nơi thường trú: ………..............................................................................…… Số điện thoại liên hệ:……………………………………………………………

13. Họ và tên chủ hộ:……………....................…….……….14. Quan hệ với chủ hộ:……………………………….........................................

15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (2):

16. Những người cùng thay đổi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Nơi sinh** | **Nghề nghiệp** | **Dân tộc** | **Quốc tịch** | **CMND số (hoặc Hộ chiếu số)** | **Quan hệ với người có thay đổi** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày….tháng….năm…* Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ (3) *(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày….tháng….năm…* NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO *(Ký, ghi rõ họ tên*) |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…tháng…năm…* TRƯỞNG CÔNG AN:……….. *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...*

*(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

*(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

*Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK01 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**BẢN KHAI NHÂN KHẨU**

(Dùng cho người từ đủ 14 tuổi trở lên)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Họ và tên (1):  2. Họ và tên gọi khác (nếu có):  3. Ngày, tháng, năm sinh:…............./........…./…............… 4. Giới tính:  5. Nơi sinh:  6. Nguyên quán:  7. Dân tộc:……….........………8. Tôn giáo:…..........…………9. Quốc tịch:  10. CMND số:………………………. 11. Hộ chiếu số:  12. Nơi thường trú:    13. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:    14. Trình độ học vấn (2):…........…………..15. Trình độ chuyên môn (3):  16. Biết tiếng dân tộc:……………..............17. Trình độ ngoại ngữ:  18. Nghề nghiệp, nơi làm việc:    19. Tóm tắt về bản thân (Từ đủ 14 tuổi trở lên đến nay ở đâu, làm gì): | | |
| **Từ tháng, năm đến tháng, năm** | **Chỗ ở**  (Ghi rõ số nhà, đường phố; thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/ phường/thị trấn; quận/ huyện; tỉnh/ thành phố. Nếu ở nước ngoài thì ghi rõ tên nước) | **Nghề nghiệp, nơi làm việc** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| 20. Tiền án (Tội danh, hình phạt, theo bản án số, ngày, tháng, năm của Tòa án):        21. Tóm tắt về gia đình (Bố, mẹ; vợ/chồng; con; anh, chị, em ruột) (4): | | |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Quan hệ** | **Nghề nghiệp** | **Địa chỉ chỗ ở hiện nay** | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày…..tháng…..năm……* NGƯỜI KHAI HOẶC NGƯỜI VIẾT HỘ (Ký, ghi rõ họ tên) |

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu;*

*(2) Ghi rõ trình độ học vấn cao nhất (Tiến sỹ, Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, tốt nghiệp phổ thông trung học, tốt nghiệp phổ thông cơ sở...; nếu không biết chữ thì ghi rõ "không biết chữ");*

*(3) Ghi rõ chuyên ngành được đào tạo hoặc trình độ tay nghề, bậc thợ, chuyên môn kỹ thuật khác được ghi trong văn bằng, chứng chỉ.*

*(4) Ghi cả cha, mẹ, con nuôi; người nuôi dưỡng; người giám hộ theo quy định của pháp luật (nếu có).*

|  |  |
| --- | --- |
| **17. Thủ tục:** | **Cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an TP Hưng Yên |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi cư trú);  - Sổ hộ khẩu hoặc sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể đã được cấp trước đây (đối với trường hợp đổi từ mẫu sổ cũ sang mẫu sổ mới)  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an TP Hưng Yên.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an TP Hưng Yên.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Sổ hộ khẩu |
| + Lệ phí: | + Không quá 20.000 đồng/lần cấp sổ;  Áp dụng đối với các phường thuộc thành phố Hưng Yên  + Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xoá đói, giảm nghèo. |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu Mẫu HK02 *(ban hành theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014)* |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Cư trú ngày 29/11/2006;  - Luật số 36/2013/QH13 ngày 20/6/2013 sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2006  - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú;  - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú;  - Thông tư 02/2014/ TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK02 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: …………………………….

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên (1): ……………..................................... 2. Giới tính: ………………..

3. CMND số:……….............…………………….4. Hộ chiếu số: ……………….

5. Nơi thường trú: …………………………………………………………………

6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:………..................…………………………………….. Số điện thoại liên hệ:

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên (1):…………….................……………. 2. Giới tính:………………..

3. Ngày, tháng, năm sinh:……/….../…................ 4. Dân tộc:……..5. Quốc tịch:…………………....................................................

6. CMND số:……………………………. 7. Hộ chiếu số: ……………………….

8. Nơi sinh: ………………………………………………………………………..

9. Nguyên quán: …………………………………………………………………..

10. Nghề nghiệp, nơi làm việc: ……………………………………………………

11. Nơi thường trú: ………..............................................................................…… Số điện thoại liên hệ:……………………………………………………………

13. Họ và tên chủ hộ:……………....................…….……….14. Quan hệ với chủ hộ:……………………………….........................................

15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (2):

16. Những người cùng thay đổi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Nơi sinh** | **Nghề nghiệp** | **Dân tộc** | **Quốc tịch** | **CMND số (hoặc Hộ chiếu số)** | **Quan hệ với người có thay đổi** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày….tháng….năm…* Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ (3) *(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày….tháng….năm…* NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO *(Ký, ghi rõ họ tên*) |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…tháng…năm…* TRƯỞNG CÔNG AN:……….. *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...*

*(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

*(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

*Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **18. Thủ tục:** | **Tách sổ hộ khẩu** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an TP Hưng Yên.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Thực hiện trực tiếp tại trụ sở Công an TP Hưng Yên |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  Xuất trình:  - Sổ hộ khẩu.  Nộp các giấy tờ sau:  - Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (có Ý kiến đồng ý của chủ hộ nếu thuộc trường hợp không có quan hệ gia đình là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em ruột, cháu ruột với chủ hộ)  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an TP Hưng Yên.  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an TP Hưng Yên.  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Sổ hộ khẩu mới |
| + Lệ phí: | 20.000/lần đăng ký, cấp sổ  Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xoá đói, giảm nghèo |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu Mẫu HK02 *(ban hành theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014)* |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | Không |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Luật Cư trú ngày 29/11/2006;  - Luật số 36/2013/QH13 ngày 20/6/2013 sửa đổi bổ sung Luật Cư trú năm 2006  - Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  - Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú;  - Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an Quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú;  - Thông tư 02/2014/ TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** | Mẫu HK02 ban hành  theo TT số 36/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 |

**PHIẾU BÁO THAY ĐỔI HỘ KHẨU, NHÂN KHẨU**

Kính gửi: …………………………….

**I. Thông tin về người viết phiếu báo**

1. Họ và tên (1): ……………..................................... 2. Giới tính: ………………..

3. CMND số:……….............…………………….4. Hộ chiếu số: ……………….

5. Nơi thường trú: …………………………………………………………………

6. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:………..................…………………………………….. Số điện thoại liên hệ:

**II. Thông tin về người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu**

1. Họ và tên (1):…………….................……………. 2. Giới tính:………………..

3. Ngày, tháng, năm sinh:……/….../…................ 4. Dân tộc:……..5. Quốc tịch:…………………....................................................

6. CMND số:……………………………. 7. Hộ chiếu số: ……………………….

8. Nơi sinh: ………………………………………………………………………..

9. Nguyên quán: …………………………………………………………………..

10. Nghề nghiệp, nơi làm việc: ……………………………………………………

11. Nơi thường trú: ………..............................................................................…… Số điện thoại liên hệ:……………………………………………………………

13. Họ và tên chủ hộ:……………....................…….……….14. Quan hệ với chủ hộ:……………………………….........................................

15. Nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (2):

16. Những người cùng thay đổi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Giới tính** | **Nơi sinh** | **Nghề nghiệp** | **Dân tộc** | **Quốc tịch** | **CMND số (hoặc Hộ chiếu số)** | **Quan hệ với người có thay đổi** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày….tháng….năm…* Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ (3) *(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày….tháng….năm…* NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO *(Ký, ghi rõ họ tên*) |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…tháng…năm…* TRƯỞNG CÔNG AN:……….. *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Viết chữ in hoa đủ dấu*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...*

*(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.*

*(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.*

*Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II*

|  |  |
| --- | --- |
| **19. Thủ tục:** | **Cấp mới chứng minh nhân dân** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Xuất trình hộ khẩu thường trú;  - Chụp ảnh;  - In vân tay;  - Khai các biểu mẫu;  - Nộp giấy Chứng minh nhân dân đã cấp theo Quyết định số 143/CP ngày 09 tháng 8 năm 1976 (nếu có).  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | Không quá 7 ngày làm việc |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp tỉnh  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Chứng minh nhân dân |
| + Lệ phí: | - Đối với trường hợp cấp CMTND loại thường được miễn  - Đối với trường hợp cấp CMTND bằng công nghệ mới   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số TT | Các trường hợp | Cấp mới | | 1 | Thu nhận ảnh trực tiếp (ảnh thu qua camera) | 30.000 | | 2 | Thu nhận ảnh gián tiếp (chưa tính tiền chụp ảnh) | 20.000 | |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Đơn đề nghị cấp CMND (mẫu CM3) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | 1. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi tắt là công dân) có nghĩa vụ đến cơ quan Công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú làm thủ tục cấp Chứng minh nhân dân theo quy định.  2. Mỗi công dân chỉ được cấp một Chứng minh nhân dân và có một số chứng minh nhân dân riêng.  *Không thuộc diện đối tượng tạm thời chưa được cấp CMND bao gồm:*  + Đang chấp hành lệnh tạm giam tại trại giam, nhà tạm giữ.  + Đang thi hành án phạt tù tại trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam;  + Đang chấp hành quyết định đưa vào các trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;  + Những người đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác không có khả năng điều khiển được năng lực hành vi của bản thân họ bao gồm người bị bệnh đang điều trị tập trung tại các bệnh viện tâm thần, cơ sở y tế khác. Những người tuy không điều trị tập trung nhưng có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận họ bị bệnh không điều khiển được năng lực hành vi thì cũng tạm thời chưa được cấp CMND.  \* Chưa được cấp CMND theo Nghị định số 05/1999/NĐ-CP của Chính phủ và giấy CMND theo Quyết định số 143/CP ngày 09/8/1976 của Hội đồng Chính phủ. |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  - Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  -Nghị định 106/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ;  - Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA ngày 10/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong công tác cấp, quản lý chứng minh nhân dân và đăng ký, quản lý con dấu;  - Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13) ngày 19/4/1999 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  - Thông tư 02/2014/ TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  - Thông tư số [155/2012/TT-BTC](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=155/2012/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)ngày 20/9/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng minh thư nhân dân mới. |

Mẫu số CM3.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Ảnh

(3x4)

**K**ính gửi: …………………………………………………

Họ và tên: Nam/nữ

(Đóng dấu giáp lai của CA phường/xã/thị trấn)

Tên gọi khác:

Sinh ngày ........./......../.............; Nguyên quán:

Nơi ĐKHK thường trú:

Họ tên cha:

Họ tên mẹ:

Sổ hộ khẩu số: tập: tờ:

Tôi xin được cấp CMND, lý do: *(cấp mới; CMND đã cũ, hỏng, thay đổi địa chỉ, hết giá trị sử dụng hoặc mất)*

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật.

*Ngày ....... tháng ...... năm 200...*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN** ........................  *(Phường/xã/thị trấn nơi ĐKHK*  *thường trú)* | **NGƯỜI LÀM ĐƠN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **20. Thủ tục:** | **Cấp đổi, cấp lại chứng minh nhân dân** |
| + Trình tự thực hiện: | **Các bước thực hiện đối với cá nhân:**  - Công dân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ;  - Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện;  - Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Công an cấp huyện.  **Các bước thực hiện đối với cấp huyện:**  -Cán bộtiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ hướng dẫn người nộp hoàn chỉnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn giao cho người nộp. |
| + Cách thức thực hiện: | Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện |
| + Thành phần, số lượng hồ sơ: | a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:  - Đơn trình bày nêu rõ lý do xin đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân. Trường hợp cấp lại thì đơn phải có xác nhận của công an phường, xã, thị trấn nơi thường trú.  - Xuất trình hộ khẩu thường trú;  - Xuất trình quyết định thay đổi họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh;  - Chụp ảnh;  - In vân tay hai ngón trỏ;  - Khai tờ khai xin cấp Chứng minh nhân dân;  - Nộp lại Chứng minh nhân dân đã hết hạn sử dụng, hư hỏng hoặc có thay đổi nội dung theo quy định.  b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) |
| + Thời hạn giải quyết: | - Không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp đổi  - Không quá 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại |
| + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: | Cá nhân |
| + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: | a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Công an cấp tỉnh  b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):  c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Công an cấp huyện  d) Cơ quan phối hợp (nếu có): |
| + Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: | Chứng minh nhân dân |
| + Lệ phí: | - Đối với trường hợp cấp CMTND loại thường được miễn  - Đối với trường hợp cấp CMTND bằng công nghệ mới   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số TT | Các trường hợp | Cấp đổi | Cấp lại | | 1 | Thu nhận ảnh trực tiếp (ảnh thu qua camera) | 50.000 | 70.000 | | 2 | Thu nhận ảnh gián tiếp (chưa tính tiền chụp ảnh) | 40.000 | 60.000 | |
| + Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: | Đơn đề nghị cấp CMND (mẫu CM3) |
| + Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: | 1. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi tắt là công dân) có nghĩa vụ đến cơ quan Công an nơi đăng ký hộ khẩu thường trú làm thủ tục cấp Chứng minh nhân dân theo quy định.  2. Mỗi công dân chỉ được cấp một Chứng minh nhân dân và có một số chứng minh nhân dân riêng.  *Không thuộc diện đối tượng tạm thời chưa được cấp CMND bao gồm:*  + Đang chấp hành lệnh tạm giam tại trại giam, nhà tạm giữ.  + Đang thi hành án phạt tù tại trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam;  + Đang chấp hành quyết định đưa vào các trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;  + Những người đang mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác không có khả năng điều khiển được năng lực hành vi của bản thân họ bao gồm người bị bệnh đang điều trị tập trung tại các bệnh viện tâm thần, cơ sở y tế khác. Những người tuy không điều trị tập trung nhưng có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận họ bị bệnh không điều khiển được năng lực hành vi thì cũng tạm thời chưa được cấp CMND.  \* Chưa được cấp CMND theo Nghị định số 05/1999/NĐ-CP của Chính phủ và giấy CMND theo Quyết định số 143/CP ngày 09/8/1976 của Hội đồng Chính phủ. |
| + Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: | - Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  - Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  -Nghị định 106/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ;  - Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA ngày 10/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong công tác cấp, quản lý chứng minh nhân dân và đăng ký, quản lý con dấu;  - Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13) ngày 19/4/1999 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  - Thông tư 02/2014/ TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  - Thông tư số [155/2012/TT-BTC](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=155/2012/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)ngày 20/9/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng minh thư nhân dân mới. |

Mẫu số CM3.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Ảnh

(3x4)

**K**ính gửi: …………………………………………………

Họ và tên: Nam/nữ

(Đóng dấu giáp lai của CA phường/xã/thị trấn)

Tên gọi khác:

Sinh ngày ........./......../.............; Nguyên quán:

Nơi ĐKHK thường trú:

Họ tên cha:

Họ tên mẹ:

Sổ hộ khẩu số: tập: tờ:

Tôi xin được cấp CMND, lý do: *(cấp mới; CMND đã cũ, hỏng, thay đổi địa chỉ, hết giá trị sử dụng hoặc mất)*

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật.

*Ngày ....... tháng ...... năm 200...*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN** ........................  *(Phường/xã/thị trấn nơi ĐKHK*  *thường trú)* | **NGƯỜI LÀM ĐƠN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |